

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

KHỐI NHÀ TRẺ 25-36 THÁNG

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường;

Căn cứ vào Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế, khối nhà trẻ 25-36 tháng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Mục tiêu	Nội dung	Chủ đề thực hiện
1 Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	- Trẻ có khả năng thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Cơ tay và bả vai: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống 1,6 + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống 3,8 + 2 tay đưa ra phía trước - phía sau. 2, 5 + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau kết hợp lắc bàn tay 4, 9, 7 - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái. 1, 9 + Quay người sang 2 bên phải, trái. 4, 7 + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên. 3, 6 + Ngửa người ra phía sau 5 + Vặn người sang hai bên 2, 8 - Chân: + Đứng nhún chân 1,3 + Ngồi xuống, đứng lên 2, 6, 9 + Co duỗi từng chân 5, 7 + Bật tại chỗ 4, 8	
2	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp.	1 2

	theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi có mang vật trên tay. - Chạy theo hướng thẳng. - Đứng co 1 chân. - Đi bước qua các ô - Chạy đổi hướng - Đi kết hợp với chạy - Bước lên bậc cao 15cm	3 5 7 4 6 8 9
3	- Trẻ có khả năng thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	- Tung- bắt bóng cùng cô. - Tung bóng bằng 2 tay - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng vào đích. - Tung bóng qua dây - Ném xa bằng 1 tay	3,8 1 2 6 5,9 7
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản. - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò, trườn chui qua cổng	5,8 2 3,9 4 1,6 7
5	- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, nhún bật đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ. - Bật xa bằng 2 chân - Bật qua các vòng - Nhún bật về phía trước - Đá bóng	1,8 5,7 3 4,6 2 9
6.	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau: Rót, nhào, khuấy, đào, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ.	1->9
7	- Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối	- Nhón nhặt đồ vật	

	hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ, đóng cọc, mở sách.	- Tập khâu, luồn dây, cài cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau	1
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	2
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.	3
11	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Chuẩn bị chỗ ngủ. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	2,4,5,6
12	- Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Đội mũ khi ra nắng; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Mặc quần áo và trang phục phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe.	4,9
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng,	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (bếp đang đun,	3,9

	xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	phích nước nóng, xô nước, giếng) - Biết cần phải tránh xa khu vực nguy hiểm: Cây to, cột điện, dốc đất đá, khu vực nước sâu, suối, sông, dòng nước chảy xiết.	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	7,8

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - chua - mặn) - Một số hiện tượng tự nhiên: Mưa đá, sạt lở đất, lũ lụt... - Ảnh hưởng của thiên tai đối với cây cối, con vật về môi trường sống, thức ăn..	1->9
16	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.	3, 4,9
17	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính) - Trẻ nói được tên của những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Yêu quý người thân trong gia đình, bạn bè. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	2 3,8 1,9

18	- Trẻ có thể nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	2
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc và một số sự vật hiện tượng.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc có kích cỡ khác nhau. Biết yêu quý, giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc. không ngắt bẻ cành, hoa, lá cây, đánh, đập vào thân cây - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc. - Có kiến thức ban đầu về khí hậu, thời tiết theo mùa.	1,2,3,4,9 8 6,7 5 9
20	- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất được đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh, cam, tím.. - Số lượng một - nhiều.	4
21	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ...	6
22	- Trẻ có một số khái niệm sơ đẳng về toán: kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.	- Hình tròn, hình vuông... - Vị trí trong không gian (trên- dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.	2,6,8
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
23	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!"	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	8
24	- Trẻ có thể trả lời được các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế	- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?	1-> 9

	nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)		
25	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách, truyện ngắn - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	1, 2, 3, 5, 7, 6, 8, 9
26	- Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau	1->9
27	- Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	1->9
28	- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	4,5, 8, 9
29	Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi trò chuyện - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ Con gì đây?; Cái gì đây?	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...	4->7
30	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	6

4. Lĩnh vực phát triển TC& KNXH và TM

31	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	2
32	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	4

33	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	6
34	- Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	2
35	- Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		
36	- Trẻ có khả năng biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi - Biết bảo vệ môi trường sống của các con vật dưới nước: không vứt rác, túi nilon, chất bẩn, hóa chất xuống nước.	5
37	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ả, vâng ả.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ả”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	1
38	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1->9
39	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	4
40	- Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện được yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	2,4
41	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1-> 9
42	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy lắc lư	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc	1-> 9

	theo bài hát-bản nhạc và nghe các dụng cụ âm nhạc.	cụ.	
43	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh	1->9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Từ ngày... đến ngày.)	Stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Ghi chú
Từ ngày 8/9 đến 3/10 /2025	1	Bé vui đến trường - Tết trung thu	Cô giáo của bé	1		8-12/9
			Lớp học của bé.	1		15-19/9
			Bé biết nhiều thứ	1		22-26/9
			Bé vui đón tết trung thu.	1	Tết trung thu	29/9-3/10
Từ ngày 6/10 đến 31/10/2025	2	Bé là ai	Bé là ai?	1		6-10/10
			Cơ thể kỳ diệu của bé	1		13-17/10
			Cảm xúc của bé	1		20-24/10
			Bé cần gì để lớn.	1		27-31/10
Từ ngày 3/11 đến 28/11/2025	3	Mẹ và GD thân yêu của bé - ngày hội cô giáo	Mẹ của bé.	1		3-7/11
			Những người thân trong GD bé.	1		10-14/11
			Ngày hội của cô giáo.	1		17-21/11
			Đồ dùng trong gia đình bé.	1		24-28/11
Từ ngày 1/12 đến 19/12/2025	4	Đồ dùng đồ chơi của bé	Đồ chơi của bé .	1		1-5/12
			Đồ dùng trong lớp của bé.	1		8-12/12
			Đồ dùng quen thuộc của bé.	1		15-19/12
Từ ngày 22/12 đến 16/1/2026	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi nuôi trong gia đình.	1		22-26/12
			Con vật nuôi nuôi trong gia đình.	1		29/12-2/1

			Con vật sống dưới nước.	1		5-9/1
			Con vật sống trong rừng.	1		12-16/1
Từ ngày 19/1 đến 13/2/2026	6	Ngày tết vui vẻ	Mùa xuân đến rồi	1	Tết nguyên đán	19-23/1
			Hoa quả ngày tết.	1		26-30/1
			Ngày tết vui vẻ	1		2-6/2
			Bé thêm một tuổi.	1		9-13/2
Nghỉ tết nguyên đán dự kiến từ ngày 14/2 đến hết ngày 20/2/2026						
Từ ngày 23/2 đến 20/3/2026	7	Bé yêu cây xanh Ngày 8.3	Bé yêu cây xanh	1		23-27/2
			Ngày 8.3	1		2-6/3
			Bé thích các loại quả.	1		9-13/3
			Bé thích rau gì	1		16-20/3
Từ ngày 23/3 đến 17/4 /2026	8	Bé đi khắp nơi bằng PT gì	Phương tiện GT đường bộ.	1		23-27/3
			PTGT đường thủy	1		30/3-3/4
			PTGT đường sắt	1		6-10/4
			PTGT đường hàng không.	1		13-17/4
Từ ngày 20/4 đến 22/5/2026	9	Mùa hè - Bé lên mẫu giáo	Thời tiết mùa hè.	1		20-24/4
			Ôn tập	1	Nghỉ 30/4, 1/5	
			Trang phục mùa hè.	1		4-8/5
			Lớp mẫu giáo thân yêu	1		11-15/5
			Bé lên mẫu giáo.	1		18-22/5
Tổng cộng				35 tuần		
Thời gian còn lại là tổ chức các hoạt động ôn tập, tham quan, trải nghiệm.						

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)**

Hà Thị Thành

Đỗ Thị Quế

